

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI AN THỊNH PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI AN THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110011565

3. Ngày thành lập: 27/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Hạ, Xã Dương Hà, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0865134661

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
3.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn rau, quả; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm chức năng	4632
4.	Bán buôn đồ uống	4633
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ hoạt động đấu giá)	4651
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ hoạt động đấu giá)	4652
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su	4669
9.	Dịch vụ đóng gói (Trừ hoạt động đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292

10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Đại diện cho thương nhân; Ủy thác mua bán hàng hóa; Nhượng quyền thương mại	8299
11.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
12.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
13.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo thường xuyên	8559
14.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng Chi tiết: Hoạt động của phòng khám chuyên khoa phục hồi chức năng, phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ (Trừ hoạt động nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8692
15.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp	9311
16.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...); Kinh doanh dịch vụ xoa bóp	9610
17.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; Cắt, tỉa và cạo râu; Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm	9631
18.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
19.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
20.	Quảng cáo Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo; Phát hành quảng cáo; Tiếp nhận quảng cáo	7310
21.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động chuyển giao công nghệ	7490
22.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động đấu giá)	4690
23.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

24.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt; Bán lẻ thủy sản, Bán lẻ rau, quả; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán lẻ thực phẩm khác chưa được phân vào đâu như: Cà phê bột, cà phê hoà tan, chè...; Bán lẻ thực phẩm chức năng	4722
25.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
26.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (Không hoạt động tại trụ sở)	1040
27.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
28.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo (Không hoạt động tại trụ sở)	1073
29.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
30.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
31.	In ấn Chi tiết: Hoạt động của cơ sở in	1811
32.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (Không hoạt động tại trụ sở)	2023(Chính)
33.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm; Sản xuất mực viết và mực vẽ; Sản xuất hương các loại... (Không hoạt động tại trụ sở)	2029
34.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Website thương mại điện tử bán hàng; Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử	4791
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
36.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh kho bãi)	5210
37.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
38.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5621
39.	Đại lý du lịch	7911
40.	Điều hành tua du lịch	7912
41.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211

42.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
43.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Hoạt động của cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Hoạt động lưu hành trang thiết bị y tế; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	4772

6. Vốn điều lệ: 4.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN HƯƠNG HUY	Việt Nam	Thôn 1, Xã Tân Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.400.000.000	60,000	001092026188	
2	PHÙNG THỊ TRINH	Việt Nam	Thôn Hạ, Xã Dương Hà, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.600.000.000	40,000	001197014993	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHÙNG THỊ TRINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/07/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001197014993

Ngày cấp: 27/12/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Hạ, Xã Dương Hà, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hạ, Xã Dương Hà, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội